

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 250/2023/DS-PT

Ngày: 27/4/2023

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính

Các thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình
Ông Võ Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 376/2023/DS-ST ngày 09/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXPT-DS ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Võ Trọng Kỳ -
Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).**

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ X, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Nguyễn Thị Q (Q), sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Lược 1, xã Tân Lý Đông, Châu Thành, Tiền Giang.
3.6. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
3.7. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1961 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
3.8. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1956.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Phước T. Vào năm 2011 ông Thọ tặng cho ông Nguyễn Thanh S nhưng đến năm 2014 làm thủ tục chuyển nhượng với giá 30 triệu đồng, thực tế là tặng cho phần đất diện tích 162m² thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 4 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất Cây lâu năm cho cá nhân ông S. Ông và ông Nguyễn Phước T ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Ấp Bắc công chứng chứng thực hợp pháp và ông S đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP640092 ngày 11/7/2014 đối với phần đất diện tích 162m² thửa 267, tờ bản đồ số 4 tại ấp, xã, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là hợp pháp.

Nay ông khởi kiện yêu cầu:

Yêu cầu ông Nguyễn Thanh H trả lại phần đất có chiều dài 15,8m (7.58m + 7.50m) và chiều rộng 6.85m thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 04 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho Nguyễn Thanh S theo quy định của pháp luật.

Đối với mái che, cây dừa ông không yêu cầu gì. Đối với 01 bàn thiên trên phần đất tranh chấp ông yêu cầu tháo dỡ di dời ra khỏi phần đất tranh chấp.

Bị đơn trình bày:

Vào năm 2014, ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Thanh Vn và ông là Nguyễn Thanh H hùn tiền mua phần đất diện tích 162m² thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 4 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất Cây lâu năm của ông Nguyễn Phước T, liền kề với phần đất của gia đình ông để làm sân nhà thờ, mỗi người hùn 10 triệu đồng. Do diện tích nhỏ nên ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thu C thỏa thuận để cho Nguyễn Thanh S đứng tên trong giấy đất. Ông H đưa cho cha là ông T2 10 triệu đồng, ông T2 đưa anh S, anh V đưa anh S 10 triệu đồng mua của ông T. Do là anh em và cha con trong gia đình nên không làm giấy tờ. Có các anh chị em trong gia đình làm chứng.

Đến khi cha ông là ông Nguyễn Văn T2 mất ngày 01/5/2020 thì ông S

khởi kiện đòi quyền sử dụng đất. Ông xác định việc hùn tiền mua đất là có thật, ai cũng biết và đồng tình. Cha ông giao cho ông H quản lý và thờ cúng ông bà cha mẹ. Nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S .

Đối với mái che của ông S xây dựng trên phần đất ông S đang quản lý và cây dừa trên phần đất tranh chấp ông không yêu cầu gì. Đối với 01 bàn thiên không đồng ý di dời.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q (Q) trình bày:

Bà là con gái thứ hai của ông Nguyễn Văn T2. Trước kia cha bà còn sống có lên nói với bà là ông T xuống kêu cha bà đưa cho 30.000.000 đồng để mua phần đất trước sân nhà thờ, mỗi một em là 10.000.000 đồng hùn vào để đưa cho ông T. Phần của ông S đã xây tường rào rồi, còn 02 phần còn lại là sân nhà thờ. Bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông S trả lại phần đất sân nhà thờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ông là anh thứ tư của Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thanh H. Ông biết rõ sự việc cha ông có kêu các con là em của ông hùn tiền mua đất của ông Nguyễn Phước T để làm sân nhà thờ. Tổng số tiền là 30.000.000 đồng gồm Nguyễn Thanh S , Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh H, ông có kêu Nguyễn Thanh S đứng tên giùm hai em là Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh H. Sau khi hoàn thành thủ tục đất đai thì Nguyễn Thanh S lấy 01 phần và đã xây tường ngăn ra, hai phần còn lại làm sân nhà thờ. Thực chất ông S chỉ đứng tên giùm anh V và anh H. Ông yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của Nguyễn Thanh S .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà là con gái thứ bảy của ông Nguyễn Văn T2, bà có biết phần đất trước sân nhà thờ của cha bà gồm Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S có bỏ tiền ra mua phần đất trước sân nhà thờ là 30.000.000 đồng, mỗi người bỏ ra 10.000.000 đồng để mua phần đất để làm sân nhà thờ. Bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của Nguyễn Thanh S , trả lại phần đất sân nhà thờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Bà là con gái thứ năm của ông Nguyễn Văn T2, là chị ruột của Nguyễn Thanh S , Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh V. Bà biết là 03 em bà có mua phần đất của ông T với giá 30.000.000 đồng mỗi người hùn 10.000.000 đồng. Vì diện tích nhỏ nên bà kêu Nguyễn Thanh S đứng tên giùm Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh H. Cha bà chết nên xảy ra tranh chấp, bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của Nguyễn Thanh S .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà là em gái út của Nguyễn Thanh H, bà biết phần đất trước sân nhà thờ là do 03 người mua gồm Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S , Nguyễn Thanh V phần đất là 30.000.000 đồng, ông S đã sử dụng và xây tường rào ngăn rồi còn 02 phần còn lại thuộc đất sân nhà thờ. Bà yêu cầu bác bỏ đơn khởi kiện của Nguyễn Thanh S để sử dụng đất làm sân nhà thờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị V1 trình bày:

Bà là vợ ông H, bà thống nhất với ý kiến anh H. Do diện tích đất nhỏ nên gia đình thống nhất để anh S đứng tên, do anh em trong gia đình nên không có làm giấy tờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Thị L trình bày:

Bà là vợ ông S, bà thống nhất lời trình bày của anh S, yêu cầu ông H di dời bàn thiên trả lại phần đất cho ông S.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Phước T trình bày:

Vào ngày 15/5/2014, ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh S tại Văn phòng Công chứng Ấp Bắc phần đất diện tích 162m² thửa 93 tờ bản đồ số 4 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, loại đất Cây lâu năm giá 30.000.000 đồng thực hiện khi hợp đồng được công chứng nhưng thực tế là tặng cho cá nhân ông Nguyễn Thanh S. Việc ông V, ông H hùn tiền mua 162m² mỗi người 10 triệu đồng ông không biết. Ông không có nhận số tiền nào từ bất kỳ ai.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh S

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ di dời 01 bàn thiên để giao trả lại cho ông Nguyễn Thanh S phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 81,3m² (ký hiệu S2) loại đất Cây lâu năm, thửa 267, Tờ bản đồ số 4 tại T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Thanh S ngày 11/7/2014, có tứ cận:

- + Đông giáp thửa 267 (ký hiệu S3)
- + Tây giáp thửa 267 (ký hiệu S1)
- + Nam giáp đường đất
- + Bắc giáp thửa 94 và thửa 253

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh S về việc để phần đất diện tích 12.8m² (ký hiệu S1) để làm lối đi vào thửa đất số 94 và thửa đất số 253, có tứ cận:

- + Đông giáp thửa 267
- + Tây giáp thửa 93
- + Nam giáp đường đất
- + Bắc giáp thửa 94

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Việc di dời tài sản và giao đất thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H chịu 300.000 đồng án phí.

Hoàn ông Nguyễn Thanh S số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003930 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh H đưa ra nhiều lập luận khẳng định qua lời khai của bà Hồ Thị L vợ ông Nguyễn Thanh S và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện phần đất tranh chấp là của chung ba anh em ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Thanh H. Ông S đã rào phần của ông nên phần tranh chấp là của chung ông Hải và ông Vân. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S yêu cầu ông Nguyễn Thanh H di dời 01 bàn thiên trả lại phần đất thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 04 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Thanh S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 640092, số vào sổ CH01601 ngày 11/7/2014 để ông S sử dụng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ

pháp luật tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 09/9/2022, Tòa án huyện C ban hành bản án số 376/2022/DS-ST đến ngày 19/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh H nộp đơn kháng cáo cùng biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo của ông H còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H cho rằng phần đất tranh chấp là do ông S, ông V và ông Hùn tiền mỗi người 10.000.000 đồng, giao cho ông S đại diện nhận sang nhượng từ ông Nguyễn Phước T và ông S đã rào diện tích một phần ba thuộc về ông S, hai phần ba diện tích còn lại làm sân chung cho nhà thờ của gia đình nên ông H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông S.

[3.1] Xét về nguồn gốc đất: Phần đất tranh chấp có nguồn của ông Nguyễn Phước T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01251 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Phước T vào ngày 26/6/2013 thửa số 93, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 11/7/2014 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp đổi cho ông Nguyễn Phước T thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 640093, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH01602 thửa số 93 diện tích 1.004,4 m², đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 15/5/2014, ông Nguyễn Phước T lập hợp đồng chuyển nhượng 01 phần thửa đất nêu trên với diện tích 162m² cho ông Nguyễn Thanh S với giá 30.000.000 đồng, được Công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Ấp Bắc và ông S đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 640092, số vào sổ CH01601 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 11/7/2014 cho ông Nguyễn Thanh S, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S đúng trình tự thủ tục pháp luật, nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S là hợp pháp.

[3.2]. Ông H cho rằng phần đất tranh chấp là tài sản chung của ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thanh H dùng làm sân nhà thờ do ông S đại diện đứng tên vì diện tích đất quá nhỏ. Xét lời trình bày của ông H phù hợp với lời trình bày của ông V, ông T, bà C, bà H và bà T là chị em ruột của ông H và ông S nhưng mâu thuẫn với lời khai của ông T là người chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông S. Mặt khác, các anh chị em ruột của ông S, ông H và ông V có mâu thuẫn với ông S nên lời khai của họ là không khách quan ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S nên không thể căn cứ vào lời khai của người làm chứng trên để giải quyết vụ án. Ngoài lời khai người làm chứng ông H không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện ông và ông V mỗi người đưa cho ông S 10.000.000 đồng để ông S đứng ra nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Phước Thọ.

[3.3] Như vậy, phần đất tranh chấp ông S nhận chuyển nhượng từ ông T được ông T thừa nhận và được cấp **giấy chứng nhận** đúng thủ tục luật định nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông S có căn cứ.

[4]. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Thanh H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh S .

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ di dời 01 bàn thiên để giao trả lại cho ông Nguyễn Thanh S phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 81,3m² (ký hiệu S2) loại đất Cây lâu năm, thửa 267, Tờ bản đồ số 4 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Thanh S ngày 11/7/2014, có tứ cận:

+ Đông giáp thửa 267 (ký hiệu S3)

+ Tây giáp thửa 267 (ký hiệu S1)

+ Nam giáp đường đất

+ Bắc giáp thửa 94 và thửa 253

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh S về việc để phần đất diện tích 12.8m² (ký hiệu S1) để làm lối đi vào thửa đất số 94 và thửa đất số 253, có tứ cận:

+ Đông giáp thửa 267

+ Tây giáp thửa 93

+ Nam giáp đường đất

+ Bắc giáp thửa 94

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Việc di dời tài sản và giao đất thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H chịu 300.000 đồng án phí.

Hoàn ông Nguyễn Thanh S số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003930 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020902 ngày 19/9/2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, vậy ông H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.
Án tuyên lúc 09h 25 phút ngày 27/4/2023.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2023-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính